

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠC SƠN  
TỈNH HOÀ BÌNH**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/4/2020

V/v. Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.

- Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Bùi Văn Tấn;  
2. Ông: Bùi Văn Quyết

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa bà: Hoàng Thị Khánh Linh - Thư ký tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại D Viện kiểm sát tham gia phiên tòa ông Nguyễn Công Dương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXX-ST ngày 09/03/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Đinh Công L, sinh năm 1989. Địa chỉ: xóm Duộng, xã Phú Lương (nay là xóm Duộng Rềnh, xã Quyết Thắng), huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Có mặt.

- Bị đơn: chị Bùi Thị D, sinh năm 1993. Địa chỉ: xóm Duộng, xã Phú Lương (nay là xóm Duộng Rềnh, xã Quyết Thắng), huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Công L trình bày:

Về tình cảm: anh và chị Bùi Thị D kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Lương (nay là xã Quyết Thắng) và tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương.

Thời gian đầu chung sống, hai vợ chồng sống hòa thuận, yêu thương nhau. Đến cuối năm 2016 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Hai vợ chồng ly thân từ đầu năm 2017 cho

đến nay. Hiện nay, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Bùi Thị D.

Về con chung: Anh L và chị Diễm có 02 con chung là cháu Đình Việt A, sinh ngày 30/10/2012 và cháu Đình Thị Thái H, sinh ngày 29/11/2015. Kể từ khi ly thân, chị D bỏ hai con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Vợ chồng ly hôn anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và chưa yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh L không có yêu cầu gì thêm.

Về phía chị Bùi Thị D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có kết quả, chị D vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

***\* Tại biên bản xác minh ngày ngày 02/03/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Bùi Thị D và anh Đình Công L có nội dung:***

Anh Đình Công L và chị Bùi Thị D kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Phú Lương (nay là xã Quyết Thắng). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2016 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Hai vợ chồng li thân từ đầu năm 2017, khả năng đoàn tụ là rất khó.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh L và chị D có 02 con chung là cháu Đình Việt A, sinh ngày 30/10/2012 và cháu Đình Thị Thái H (con gái) sinh ngày 29/11/2015. Kể từ khi ly thân, chị D để hai cháu cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

Về điều kiện nuôi con của anh L và chị D: Hai vợ chồng đều có chỗ ở ổn định. Anh L và chị D có công việc chính là làm ruộng, ngoài ra khi chưa vào mùa vụ anh chị còn đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập. Do đó, điều kiện nuôi con của anh L và chị D là ngang nhau. Tuy nhiên, từ khi ly thân đến nay, chị D không liên lạc, quan tâm, hỏi han, gần gũi hai con mà bỏ mặc cho anh L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đình Công L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung rất tốt. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, tránh sự xáo trộn không cần thiết đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn giao cháu Việt A và cháu H cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

***\*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

**Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: xác định mâu thuẫn giữa anh L và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Đinh Việt A và cháu Đinh Thị Thái H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L chưa đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi con và chị D không có quan điểm gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên đề nghị HĐXX chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không tranh chấp nên không đề cập giải quyết trong vụ án.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

**1. Về tố tụng:** Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là chị Bùi Thị D có hộ khẩu thường trú tại: xóm Duộng, xã Phú Lương (nay là xóm Duộng Rềnh, xã Quyết Thắng), huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Anh L và chị D đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bị đơn là chị Bùi Thị D đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

**2 Về quan hệ hôn nhân:** quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh L và chị D và không có hạnh phúc; do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột vì thế cuộc sống gia đình thường xuyên bất hòa.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**3. Về con chung và cấp dưỡng:**

Quá trình chung sống, chị D và anh L có 02 con chung Đinh Việt A và cháu Đinh Thị Thái H, **hiện nay anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng**. Vợ chồng ly hôn anh L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và chưa yêu cầu chị D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Đinh Việt A trình bày nguyện vọng muốn ở với anh L khi bố mẹ ly hôn. Theo anh L trình bày và theo kết quả xác minh tại địa phương, chị D tuy có thu nhập và chỗ ở ổn định nhưng từ khi ly thân không quan tâm, chăm sóc và liên lạc với hai con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung cũng như để cho các cháu có cuộc sống ổn định, tránh sự xáo trộn cần chấp nhận yêu cầu của anh L, giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh L chưa đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi con và chị D không có quan điểm gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và Gia đình.

**4. Về tài sản chung, công nợ chung:** Anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**5. Về án phí:** anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**6. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 , 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

**1. Về hôn nhân:** Anh Đinh Công L được ly hôn với chị Bùi Thị D .

**2. Về con chung:** Giao con chung là cháu Đinh Việt A (con trai) sinh ngày 30/10/2012 và cháu Đinh Thị Thái H (con gái), sinh ngày 25/11/2015 cho anh Đinh Công L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác kể từ tháng 4 năm 2020. Chị D chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung, công nợ chung:** Anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí:** anh Đinh Công L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002865 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Anh Đinh Công L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai.** Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

**Nơi nhận:**

- *Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND huyện Lạc Sơn;*
- *CCTHA huyện Lạc Sơn;*
- *UBND xã Quyết Thắng;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**